

MUA

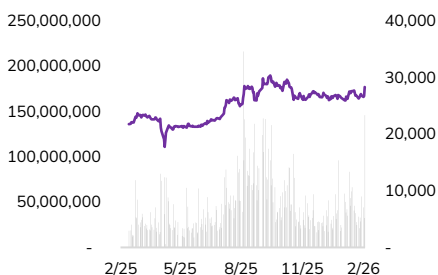
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thép
Ngày báo cáo	: 12/02/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 26.900
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 33.400
Tỷ lệ tăng (%)	: 24,2%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 206.854
SLCPLH (CP)	: 7.675.465.855

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	0,3%	33,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-5,5%	37,5%
Biên LNG (%)	12,7%	13,9%
Biên LNST (%)	8,1%	8,4%
ROA (%)	5,8%	6,4%
ROE (%)	11,1%	12,7%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,72	0,70
EPS (VND/CP)	439	503
BVPS (VND/CP)	17.879	16.830

Nguồn: HPG, ABS Research

Sản lượng tiêu thụ thép đạt mức cao kỷ lục

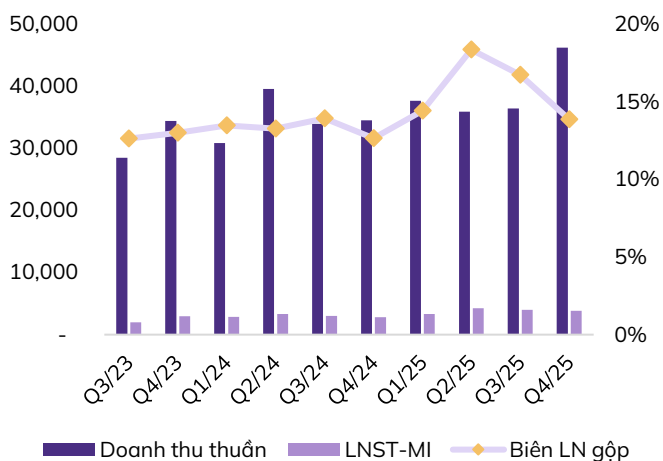
- Sản lượng thép Q4/2025 tiêu thụ tiếp tục tăng mạnh, lợi nhuận ròng giảm nhẹ so với quý trước.
 - Trong Q4/2025, doanh thu thuần của HPG đạt 46,2 nghìn tỷ đồng (+34% svck và +27% QoQ). Lợi nhuận gộp đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (+47% svck và +5% QoQ). Tổng sản lượng thép tiêu thụ trong Q4/2025 đạt 3,5 triệu tấn (+49% svck và +24% QoQ). Trong đó, (i) Thép xây dựng đạt 1,3 triệu tấn (+14% svck và +24% QoQ) – tăng mạnh trong tháng 12 khi các dự án đầu tư công tăng tốc để hoàn thành mục tiêu cũng như xây dựng dân dụng vẫn tích cực; (ii) HRC đạt 1,6 triệu tấn (gấp 2,5 lần svck và +30% QoQ), ghi nhận mức tiêu thụ kỷ lục nhờ đóng góp từ Nhà máy Dung Quất 2 và việc áp thuế CBPG với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc.
 - Mặc dù sản lượng duy trì tăng trưởng tích cực nhưng biên lợi nhuận gộp của HPG giảm so với quý trước từ mức 16,7% còn 13,9%. Điều này chủ yếu do (i) chi phí khấu hao tăng sau khi đưa vào vận hành toàn bộ Nhà máy Dung Quất 2; (ii) giá than cốc tăng mạnh hơn dự kiến (tăng hơn 7% trong quý) vì nguồn cung bị gián đoạn do mưa lũ tại Australia.
 - Ngoài ra, chi phí lãi vay Q4/2025 tăng mạnh 2,2 lần svck và 52% so với quý trước, lên mức 1,2 nghìn tỷ đồng. Chi phí lãi vay tăng mạnh do Nhà máy Dung Quất 2 đã đưa vào vận hành toàn bộ trong quý, chi phí lãi vay không được vốn hóa vào giá trị tài sản mà sẽ ghi nhận trực tiếp vào chi phí trong kỳ.
 - Theo đó, LNST của cổ đông Công ty mẹ Q4/2025 đạt 3,9 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với Q3/2025 và tăng 38% svck.
- KQKD năm 2025 tăng trưởng tích cực, dẫn dắt bởi mảng thép.
 - Doanh thu năm 2025 của HPG đạt 156,1 nghìn tỷ đồng (+12% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 15,5 nghìn tỷ đồng (+29% svck). Như vậy, HPG đã hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 103% kế hoạch lợi nhuận.
 - Mảng thép dẫn dắt tăng trưởng cả năm 2025 của doanh nghiệp với doanh thu 146,3 nghìn tỷ đồng (+13% svck), lợi nhuận 12,6 nghìn tỷ đồng (+24% svck). Sản lượng thép tiêu thụ trong năm tăng tích cực, đạt khoảng 11,2 triệu tấn (+30% svck). Cụ thể (i) Thép xây dựng đạt 4,9 triệu tấn (+8% svck), (ii) HRC đạt hơn 5 triệu tấn (+72% svck), (iii) Ống thép đạt 849 triệu tấn (+20% svck), (iv) Tôn mạ đạt 423 triệu tấn (-5% svck). Lượng bán hàng thép xây dựng, ống thép và HRC đạt mức cao kỷ lục nhờ những yếu tố tích cực đã đề cập ở trên. Sản lượng tôn mạ giảm nhẹ so với năm 2024 do thị trường xuất khẩu sụt giảm từ vấn đề bảo hộ thương mại trên toàn cầu.
 - Mảng nông nghiệp cũng ghi nhận mức tăng trưởng cao với doanh thu 8,3 nghìn tỷ đồng (+18% svck), lợi nhuận 1,6 nghìn tỷ đồng (+55% svck). Trong năm 2025, doanh nghiệp đã phát hành thành công lần đầu ra công chúng 30 triệu cổ phiếu HPA và giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 06/02/2026.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 VÀ NĂM 2025

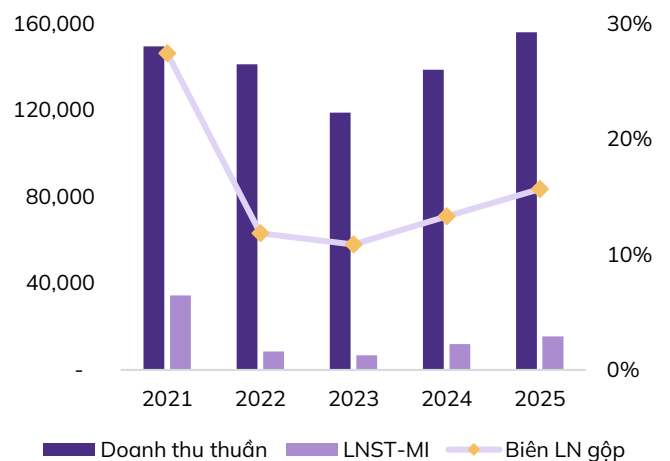
Chỉ tiêu	4Q2024	4Q2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	34.491	46.176	33,9%	138.855	156.116	12,4%
Lợi nhuận gộp	4.365	6.397	46,5%	18.498	24.498	32,4%
Biên LN gộp (%)	12,7%	13,9%		13,3%	15,7%	
Chi phí BH & QLDN	(748)	(683)	-8,7%	(3.883)	(4.070)	4,8%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	2,2%	1,5%		2,8%	2,6%	
Doanh thu tài chính	701	437	-37,6%	2.619	2.082	-20,5%
Chi phí tài chính	(1.015)	(1.584)	56,0%	(3.967)	(4.603.6)	16,1%
Chi phí lãi vay	(562)	(1.237)	120%	(2.287)	(3.115)	36,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.303	4.567	38,3%	13.267	17.906	35,0%
Lợi nhuận trước thuế	3.287	4.600	40,0%	13.694	18.041	31,7%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	2.809	3.861	37,5%	12.021	15.450	28,5%
Biên LN ròng (%)	8,1%	8,4%		8,7%	9,9%	

Nguồn: HPG, ABS Research

KQKD theo quý của HPG (tỷ VND)

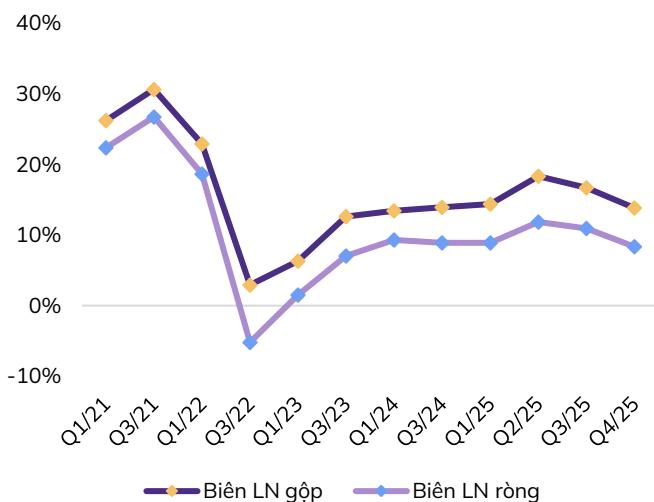


KQKD giai đoạn 2021 – 2025 của HPG (tỷ VND)

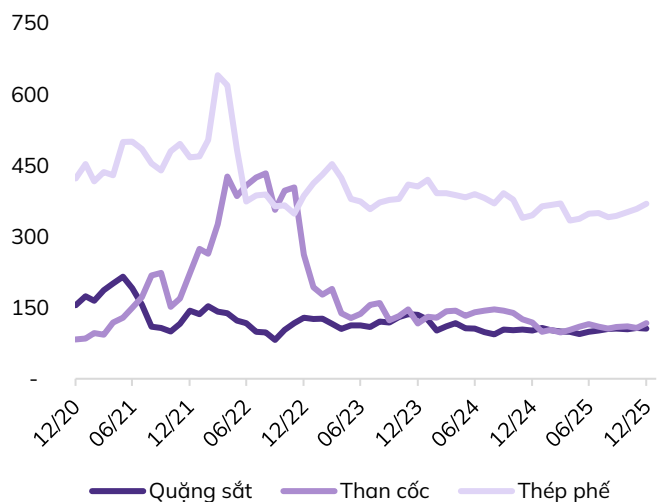


Nguồn: HPG, ABS Research

Biên lợi nhuận của HPG giai đoạn 2021 – 2025

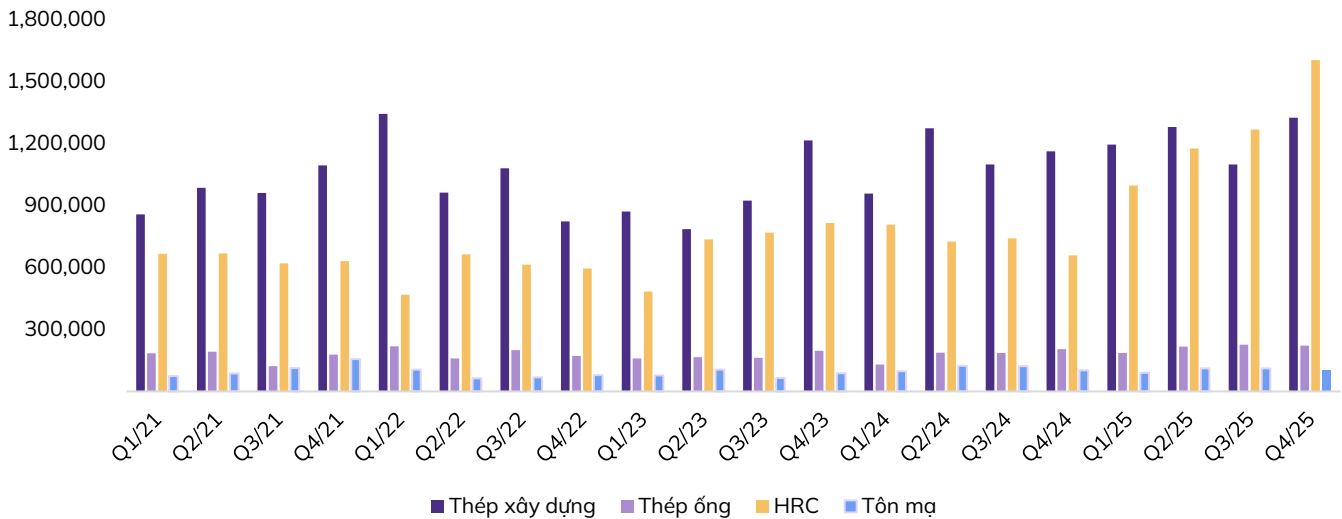


Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào (USD/tấn)



Nguồn: HPG, Bloomberg, ABS Research

Sản lượng tiêu thụ thép theo quý của HPG giai đoạn 2023 – Q3/2025 (tấn)

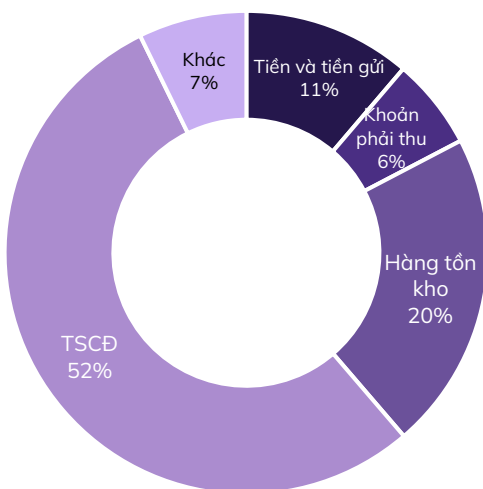


Nguồn: HPG, ABS Research

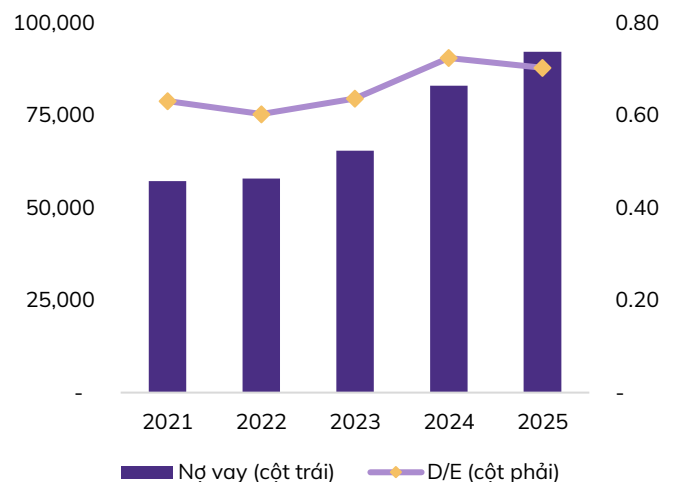
- Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 hoàn thành đưa vào vận hành toàn bộ, ghi nhận giá trị vào tài sản cố định.** Giá trị dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 (Nhà máy Dung Quất 2) đã được ghi nhận vào giá trị tài sản cố định trong Q4/2025 từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang, theo đó tổng giá trị TSCĐ cuối năm 2025 ở mức 133,4 nghìn tỷ đồng (+98% so với cuối năm 2024). Hoạt động này làm tăng đáng kể chi phí khấu hao và chi phí lãi vay của HPG khi các chi phí này không tiếp tục ghi nhận vào chi phí XDCBDD. Chi phí khấu hao trong Q4/2025 tăng mạnh ở mức 33% so với Q3/2025, 78% so với Q2/2025 và 70% so với Q4/2024 (khi chưa ghi nhận giá trị dự án Dung Quất 2 vào TSCĐ). Chi phí lãi vay cũng tăng mạnh 52% so với Q3/2025 và 120% so với Q4/2024.

Dự án Nhà máy sản xuất ray cao tốc và thép đặc biệt đã được khởi công vào ngày 19/12/2025 và đang được Hòa Phát tích cực triển khai. Dự án này nằm tại khu liên hợp Dung Quất được Hòa Phát lên kế hoạch có công suất thiết kế 700.000 tấn/năm, với vốn đầu tư 14.000 tỷ đồng, nhằm cung cấp sản phẩm cho các công trình trọng điểm quốc gia như đường sắt tốc độ cao, đường sắt liên tỉnh, các tuyến metro, ... cũng như cung cấp sản phẩm ra thị trường quốc tế. Dự kiến nhà máy sẽ ra sản phẩm thép ray vào năm 2027.

Cơ cấu tài sản của HPG tại 31/12/2025 (tỷ VND)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của HPG (tỷ VND)



Nguồn: HPG, ABS Research

- Lượng tiền ổn định, các khoản phải thu tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, lượng tiền của HPG (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức 27,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 11% tổng tài sản và tăng 7% so với cuối năm 2024). Các khoản phải thu tăng mạnh tại thời điểm cuối năm 2025, ở mức 15 nghìn tỷ đồng (chiếm 6% tổng tài sản, tăng 97% so với cuối năm

2024), chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng gần 11 nghìn tỷ đồng – tăng mạnh 3 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các khoản phải thu tăng do sản lượng tiêu thụ tăng mạnh cuối năm HPG. Doanh nghiệp duy trì dòng tiền khá ổn định, dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên ở mức dương, quản lý tốt hàng tồn kho và các khoản công nợ phải thu/phải trả nên rủi ro phát sinh các khoản nợ xấu không cao.

- **Nợ vay duy trì ở mức cao.** Giá trị nợ vay tại 31/12/2025 của HPG ở mức 92,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cuối năm 2024 (tương đương 36% tổng tài sản), bao gồm vay ngắn hạn 64,7 nghìn tỷ đồng (tăng 16% so với cuối năm 2024) và vay dài hạn 27,5 nghìn tỷ đồng (tăng 11% so với cuối năm 2024). Hệ số D/E cuối năm 2025 ở mức 0,7 lần, giảm nhẹ so với mức 0,72 lần cuối năm 2024. Nhìn chung, xu hướng nợ vay của HPG trong các năm gần đây có xu hướng tăng để tài trợ cho xây dựng các dự án nhà máy mới, đặc biệt là Nhà máy Dung Quất 2. Trong Q4/2025, sau khi nhà máy đi vào hoạt động, chi phí lãi vay tăng mạnh do ghi nhận trực tiếp vào chi phí trong kỳ thay vì vốn hóa vào giá trị tài sản. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng với sản lượng tiêu thụ thép dự kiến duy trì tích cực, dòng tiền kinh doanh ổn định cùng vị thế dẫn đầu ngành, HPG sẽ đảm bảo khả năng chi trả nghĩa vụ nợ và giảm dần nợ vay trong thời gian tới.
- **Chúng tôi nhận định triển vọng của HPG tiếp tục lạc quan dựa trên yếu tố:**
 - **Sản lượng thép tiêu thụ nội địa tiếp tục tích cực.** Chúng tôi đánh giá, sản lượng nội địa tiếp tục là động lực tăng trưởng thời gian tới của HPG đến từ yếu tố: (i) ngành xây dựng tiếp tục tăng trưởng khi các công trình hạ tầng được đẩy mạnh phát triển bên cạnh thị trường BĐS dân cư tích cực giúp mảng xây dựng dân dụng khởi sắc, (ii) sản lượng HRC sản xuất tăng mạnh khi nhà máy Dung Quất 2 vận hành toàn bộ 2 lò cao, nâng tổng công suất sản xuất HRC khi hoạt động ổn định là 9 triệu tấn/năm (hiện tại chỉ đạt khoảng hơn 3 triệu tấn/năm). Sản lượng tiêu thụ HRC trong năm 2025 đã đạt mức cao kỷ lục nhờ sự đóng góp lớn của nhà máy Dung Quất 2. Thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn từ làn sóng bảo hộ thương mại trên thế giới và nguồn thép giá rẻ từ Trung Quốc, nhưng chiếm thường không quá 30% doanh thu của HPG.
 - **Các chính sách bảo hộ thương mại mang lại hiệu quả cho ngành thép trong nước.** Bộ Công thương đã chính thức áp dụng thuế CBPG với HRC khổ rộng dưới 1.880 mm nhập khẩu từ Trung Quốc từ tháng 7/2025 giúp sản lượng tiêu thụ HRC của HPG tăng mạnh trong bối cảnh nhà máy Dung Quất 2 đi vào hoạt động. Ngoài ra, Cục Phòng vệ Thương mại cũng đang điều tra khả năng “lẩn trốn” thuế CBPG của sản phẩm HRC khổ rộng trên 1.880 mm khi sản lượng nhập từ Trung Quốc tăng mạnh trong thời gian vừa qua. Đây là động thái tích cực giúp bảo vệ các nhà sản xuất trong nước, tiêu biểu là Hòa Phát với nguồn cung mới của nhà máy Dung Quất 2.
 - **Biên lợi nhuận được cải thiện trong các quý tới.** Biên lợi nhuận trong Q4/2025 của Hòa Phát thấp hơn 1,2 điểm phần trăm so với dự phóng của chúng tôi tại [báo cáo gần đây](#) (ở mức 15,1%) do tác động của chi phí lãi vay và giá than cốc tăng bất thường, và có thể tiếp tục tác động tiêu cực tới biên lợi nhuận trong Q1/2026 của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận của HPG sẽ được cải thiện nhờ các yếu tố như (i) giá bán thép xây dựng phục hồi tốt hơn sau khi doanh nghiệp đã tăng giá bán trong thời gian vừa qua; (ii) giá nguyên vật liệu vẫn nằm trong xu hướng giảm, được chúng tôi phân tích chi tiết tại [BCCL 2026](#), chủ yếu nhờ nguồn cung gia tăng từ các mỏ mới tại Australia, Brazil, Châu Phi, ...; (iii) giảm dần nợ vay nhờ dòng tiền ổn định từ hoạt động kinh doanh.
 - **Mảng BĐS sẽ tích cực trong dài hạn, hỗ trợ kết quả kinh doanh.** Mới đây, Hòa Phát đã khởi công KCN Đồng Phúc (Bắc Ninh) với quy mô gần 355ha, tổng vốn đầu tư hơn 3.730 tỷ đồng, nằm trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, cách trung tâm Hà Nội khoảng 40km, sân bay quốc tế Nội Bài 45km, cảng biển Đình Vũ (Hải Phòng) 60km và chỉ cách Cảng hàng không quốc tế Gia Bình khoảng 20km. Dự kiến, KCN Đồng Phúc sẽ bắt đầu đưa vào khai thác từ tháng 7/2026, đóng góp tích cực vào KQKD mảng BĐS thời gian tới trong bối cảnh các KCN hiện tại của HPG là Hòa Mạc, Phố Nối A và Yên Mỹ II đã đạt tỷ lệ lấp đầy gần 100%. Bên cạnh đó, Hòa Phát cũng đang tham gia vào Liên danh nhà đầu tư Trục Đại lộ Cảnh quan sông Hồng (cùng các doanh nghiệp lớn khác như Đại Quang Minh, Thaco, Văn Phú - T&T Group) – dù chưa có thông tin cụ thể nhưng chúng tôi cho rằng sẽ giúp bổ sung thêm quỹ đất kinh doanh BĐS cho doanh nghiệp cũng như hỗ trợ tiêu thụ thép tiêu thụ phục vụ cho thi công hạ tầng.

- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của HPG ở mức 20.493 tỷ đồng (+33% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 2.670 đ/cp và 19.436 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 10,3x và 1,4x lần tại mức giá giao dịch hiện tại; ROE dự kiến đạt 14,5%.
- Chúng tôi giữ nguyên mức dự phóng KQKD năm 2026F và giá mục tiêu tại [báo cáo gần đây](#). Theo đó, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu HPG với giá mục tiêu dự kiến đạt 33.400 đ/cp (+24,2% so với giá hiện tại).

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA HPG

Báo cáo KQ HKĐK (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	141.409	118.953	138.855	156.116
Giá vốn hàng bán	(124.646)	(106.015)	(120.358)	(131.618)
Lợi nhuận gộp	16.763	12.938	18.498	24.498
Doanh thu tài chính	3.744	3.173	2.619	2.082
Chi phí tài chính	(7.027)	(5.192)	(3.967)	(4.604)
Chi phí bán hàng	(2.666)	(1.961)	(2.337)	(2.634)
Chi phí QLDN	(1.019)	(1.307)	(1.546)	(1.437)
Lợi nhuận từ HKĐK	9.794	7.651	13.267	17.906
Lãi/lỗ khác	129	142.0	426.5	134.8
Lợi nhuận trước thuế	9.923	7.793	13.694	18.041
Lợi nhuận sau thuế	8.444	6.800	12.020	15.515
LNST cổ đông Công ty mẹ	8.484	6.835	12.021	15.450

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HKĐK	12.278	8.643	6.608	15.694
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(24.626)	(11.995)	(29.788)	(25.172)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(1.778)	7.276	17.815	10.891
LCT thuần trong kỳ	(14.127)	3.924	(5.365)	1.413
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	22.471	8.325	12.252	6.888
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	8.325	12.252	6.888	8.301

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,29	1,16	1,15	1,10
Khả năng thanh toán nhanh	0,29	0,32	0,19	0,25
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,13	0,17	0,09	0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	4,24	2,70	6,39	6,56
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,56	0,55	0,51	0,51
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,44	0,45	0,49	0,49
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,60	0,64	0,72	0,70

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	10,24	13,74	13,61	17,94
Số ngày phải trả	51,01	40,44	40,08	48,85
Số ngày tồn kho	114,35	121,11	122,55	137,39
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11,9%	10,9%	13,3%	15,7%
Tỷ suất lợi nhuận HKĐK	6,9%	6,4%	9,6%	11,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	6,0%	5,7%	8,7%	9,9%
ROE	9,1%	6,9%	11,1%	12,7%
ROA	4,9%	3,8%	5,8%	6,4%
ROIC	8,2%	5,6%	7,4%	8,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	8.325	12.252	6.888	8.301
+ Đầu tư ngắn hạn	26.268	22.177	18.975	19.484
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	9.893	10.702	7.648	15.065
+ Hàng tồn kho	34.491	34.504	46.091	52.828
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.538	3.081	7.073	8.004
Tài sản ngắn hạn	80.515	82.716	86.674	103.682
+ Các khoản phải thu dài hạn	894	1.881	923	290
+ Tài sản cố định	70.833	71.998	67.428	133.608
+ Bất động sản đầu tư	629	594	560	528
+ Tài sản dở dang dài hạn	13.363	26.099	63.751	10.870
+ Đầu tư dài hạn	1	40	137	2.248
+ Tài sản dài hạn khác	4.100	4.454	5.017	6.695
Tài sản dài hạn	89.821	105.066	137.815	154.240

Tổng Tài sản	170.336	187.783	224.490	257.922
+ Vay ngắn hạn	46.749	54.982	55.883	64.695
+ Phải trả người bán	11.107	12.387	14.047	21.183
+ Nợ ngắn hạn khác	4.530	4.144	5.296	8.330
Nợ ngắn hạn	62.385	71.513	75.225	94.209
+ Vay dài hạn	11.152	10.399	27.080	27.479
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	686	3.034	7.537	5.014
Nợ dài hạn	11.837	13.433	34.617	32.493
Tổng nợ phải trả	74.223	84.946	109.842	126.702
+ Vốn cổ phần	58.148	58.148	63.963	76.755
+ Thặng dư vốn cổ phần	3.212	3.212	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.834	40.593	49.599	51.035
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	96.113	102.836	114.647	131.220
Tổng cộng nguồn vốn	170.336	187.783	224.490	257.922

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	-5,5%	-15,9%	16,7%	12,4%
Tăng trưởng LNTT	-73,2%	-21,5%	75,7%	31,7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-59,2%	-22,8%	43,0%	32,4%
Tăng trưởng EPS	-80,5%	-19,4%	59,9%	7,1%
Tăng trưởng VCSH	5,9%	7,0%	11,5%	14,5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-4,4%	10,2%	19,5%	14,9%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	19,19	22,59	14,26	14,06
P/B	1,70	1,50	1,50	1,68
EV/EBITDA	10,70	12,62	11,51	10,49
EV/Sales	1,50	1,75	1,78	1,94
EPS (đồng/cp)	1.459	1.175	1.879	2.013
BVPS (đồng/cp)	16.511	17.674	17.879	16.830

Nguồn: HPG, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tra hỏ
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây